TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
QUẬN S – TP ĐÀ NẴNG	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **244**/2019/QĐST-HNGĐ	*S, ngày 02 tháng 10 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 210/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu: *"công nhận thuận tình ly hôn"*, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

+ Người yêu cầu: Ông **Võ Đức H,** sinh năm: 1993; Trú tại: Lữ đoàn 161, Vùng 3 Hải Quân, phường T, quận S, TP. Đà Nẵng.

+ Người yêu cầu: Bà **Nguyễn Phương Q**, sinh năm: 1993; Trú tại: Thôn D, xã H, huyện H, TP. Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q kết hôn vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 249 cấp ngày 30/10/2018. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q xác định: Sau khi kết hôn vợ chồng ông, bà thuê nhà sống tại địa chỉ: Kiệt 759, đường T, phường T, quận T, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7/2019 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do giữa vợ chồng ông, bà không có sự hòa hợp về tính cách, quan điểm sống của cả hai khác biệt dẫn đến vợ chồng thường xuyên cải vã, to tiếng với nhau. Vợ chồng ông, bà cũng đã nói chuyện với nhau nhiều lần để tìm cách giải quyết nhưng vẫn không có kết quả dẫn đến đời sống hôn nhân ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải tuy nhiên vẫn không có kết quả. Vợ chồng ông, bà sống ly thân từ tháng 8/2019 cho đến nay. Không ai quan tâm, chăm sóc nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm của cả hai đã không còn, không thể chung sống với nhau được nữa. Vì vậy ông, bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông, bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông H và bà Q lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông H và bà Q đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông H và bà Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông H và bà Q là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Tại phiên hòa giải, ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q xác định vợ chồng không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Tại phiên hòa giải, ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải, ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008067 ngày 30/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông **Võ Đức H** và bà **Nguyễn Phương Q.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q nên Giấy chứng nhận kết hôn số: 249 do Ủy ban nhân dân phường T, quận S, TP. Đà Nẵng cấp ngày 30/10/2018 không còn giá trị pháp lý)*.

- Về quan hệ con chung: Ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q xác định không có;

- Về quan hệ tài sản chung: Ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q xác định không có.

- Về quan hệ nợ chung: Ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q xác định không có.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Võ Đức H và bà Nguyễn Phương Q thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008067 ngày 30/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận S;
- UBND phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

PHÙNG ANH DŨNG